PHIẾU BÀI TẬP TOÁN LỚP 4

Số chẵn, số lẻ · Biểu thức chứa chữ · sách Kết nối tri thức

Tuần 2

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Viết tiếp số chẵn, số lẻ vào ô trống

272		276	278		282	284	
315	317	319		323	325		

Bài 2: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. Số nào dưới đây là số chẵn?

A. 6 581 B. 5 690 C. 1 515 D. 7 553

Bài 3: Tính giá trị của biểu thức

Với a = 182: a + 1 140 = ☐ Với a = 158: a + 4 732 = ☐

Với b = 395: 3 422 − b = ☐ Với a = 695, b = 3: a × b + 50 = ☐

Bài 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S

☐ **a)** Số có chữ số tận cùng là 0 là số chẵn.

☐ **b)** Tổng của hai số lẻ là một số lẻ.

☐ **c)** Hai số chẵn liên tiếp hơn kém nhau 1 đơn vị.

Bài 5: Giải bài toán

1. Một hình vuông có cạnh là a. Chu vi hình vuông là P = a × 4. Tính chu vi hình vuông với a = 9 cm; a = 25 cm.

.....

.....

.....

2. Mỗi hộp có 6 cái bánh. Có n hộp thì có 6 × n cái bánh. Tính số bánh khi n = 5; n = 8.

.....

.....

.....

onthi.app Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN – TOÁN LỚP 4

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 2

Bài 1: Viết tiếp số chẵn, số lẻ vào ô trống

272 274 276 278 280 282 284 286

315 317 319 321 323 325 327 329

Bài 2: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. **B** (5 690)

Bài 3: Tính giá trị của biểu thức

Với a = 182: a + 1 140 = **1 322** Với a = 158: a + 4 732 = **4 890** Với b = 395: 3 422 – b = **3 027**

Với a = 695, b = 3: a × b + 50 = **2 135**

Bài 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) **Đ** b) **S** c) **S**

Bài 5: Giải bài toán

1. Với a = 9 cm, chu vi hình vuông là: P = 9 × 4 = 36 (cm). Với a = 25 cm, chu vi hình vuông là: P = 25 × 4 = 100 (cm). Đáp số: 36 cm; 100 cm.

2. Với n = 5, số bánh là: 6 × 5 = 30 (cái bánh). Với n = 8, số bánh là: 6 × 8 = 48 (cái bánh). Đáp số: 30 cái bánh; 48 cái bánh.

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án